

Hưng Yên, ngày 10 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 259/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn:

1.1.1. Công ty cổ phần M1;

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M - Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 10/2024/UQ-TGD của ông Hoàng anh T - TGD Jupiter cho ông Phan Huy M - GĐTT xử lý nợ).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Huy K - Chuyên viên xử lý nợ (SĐT: 0945.200.259). Địa chỉ: Số B H, phường T, tỉnh Hưng Yên (Theo Văn bản ủy quyền số 48908/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 05/10/2025 v/v khởi kiện và tham gia tố tụng).

1.2. Ngân hàng TMCP V (V1);

Địa chỉ: Tòa V, số H L, phường L, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Như G – Chức vụ: Trưởng phòng XLN Pháp lý tích hợp 2 (Theo Văn bản uỷ quyền số 30-2025-UQN-CTQT ngày 28/7/2025 của ông Ngô Chí D).

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Phạm Huy K - Chuyên viên xử lý nợ (SĐT: 0945.200.259). Địa chỉ: Đ: Số B H, phường T, tỉnh Hưng Yên (Theo Văn bản uỷ quyền số 20/2025/UQ-XLN-VPB ngày 20/10/2025 v/v khởi kiện và tham gia tố tụng).

1.2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Tố N, sinh năm 1989 và anh Phan Khánh T1, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ B, phường T, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh T1: Chị Phạm Thị Tố N, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ B, phường T, tỉnh Hưng Yên) (Theo Giấy uỷ quyền đề ngày 27/01/2026).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Phạm Thị Tố N và anh Phan Khánh T1 xác nhận dư nợ tại Ngân hàng TMCP V và Công Ty Cổ phần M1 theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2406182954305 ngày 21/06/2024 cùng Khế ước nhận nợ; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TCBD, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/12/2021 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/5/2024, tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 02/3/2026 là tổng số tiền là 4.919.709.527 đồng (bao gồm: Nợ gốc: 4.035.361.731 đồng, N1 lãi trong hạn: 627.292.759 đồng, N1 lãi quá hạn: 131.843.274 đồng và L chậm trả: 81.211.763 đồng). Trong đó:

- Tổng dư nợ tại V1 (5%) là: 245.985.476 đồng. Bao gồm:

Nợ gốc: 201.768.087 đồng

Nợ lãi trong hạn: 33.564.639 đồng

Nợ lãi quá hạn: 6.592.164 đồng

Lãi chậm trả: 4.060.587 đồng

- Tổng dư nợ tại JUPITER (95%) là: 4.673.724.051 đồng. Bao gồm:

Nợ gốc: 3.833.593.644 đồng

Nợ lãi trong hạn: 637.728.121 đồng

Nợ lãi quá hạn: 125.251.110 đồng

Lãi chậm trả: 77.151.174 đồng.

- Kể từ ngày 03/3/2026 chị N anh T1 tiếp tục chịu lãi suất theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của các khoản vay cho đến ngày thực tế chị N anh T1 thanh toán hết nợ cho J và V1. Lãi phát sinh phải trả cho J và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà chị N anh T1 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho J và V1 thì J và/hoặc V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho M1 và/hoặc V1, cụ thể như sau: Toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 258, tờ bản đồ số 63 tại địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (nay là phường T, tỉnh Hưng Yên) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN960137, số vào sổ cấp GCN: VP 13477 do Văn phòng Đ cấp ngày 24/4/2024 đứng tên ông Phan Khánh T1, bà Phạm Thị Tố N theo Hợp đồng thế chấp số 3671, quyển số 06/2024 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C công chứng ngày 21/6/2024.

- Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sẽ được thanh toán cho J và V1 theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Jupiter và/hoặc V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của chị N anh T1 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J và/hoặc V1 cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ.

2.2. Về án phí:

- Chị Phạm Thị Tố N, anh Phan Khánh Trình tự N2 nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 56.459.855 đồng (*Năm mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng*).

- Trả lại cho Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 56.200.000 đồng (Năm mươi sáu triệu hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003082 đề ngày 11 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 5 - Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Khánh Linh